

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2019/DS-PT

Ngày: 17-7-2019

V/v Tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04/7/2019, ngày 17/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLPT-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222A/2019/QĐ-PT, ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Dương Thị N, sinh năm 1934;

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019) (có mặt).

2. Bị đơn: Dương Văn X, sinh năm 1943 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949 (vợ ông X) (vắng mặt);

3.2 Chị Dương Thị T, sinh năm 1975 (con ông X)(vắng mặt);

3.3 Anh Dương Văn T1, sinh năm 1986 (con ông X)(vắng mặt);

3.4 Anh Dương Văn M1, sinh năm 1988 (con ông X) (có mặt);

3.5 Anh Dương Hoàng Đ, sinh năm 1991(con ông X)(vắng mặt);

3.6 Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1991(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.7 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960(vắng mặt);

3.8 Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1962(vắng mặt);

3.9 Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.10 Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

3.11 Võ Thị G, sinh năm 1962(vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

3.12 Ủy ban nhân dân huyện Tháp M (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Minh D; chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

3.13 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tháp M(vắng mặt);.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

3.14 Bùi Ngọc D, sinh năm 1990(vắng mặt);;

3.15 Bùi Ngọc P, sinh năm 1986(vắng mặt);

3.16 Bùi Thanh K, sinh năm 1996(vắng mặt);

3.17 Bùi Thanh T5, sinh năm 1992(vắng mặt);

3.18 Bùi Thanh Đ1, sinh năm 1994(vắng mặt);

3.19 Nguyễn Thị Kim T6, sinh năm 1990(vắng mặt);

3.20 Bùi Chí P1, sinh năm 1985(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Dương Văn X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:

Ông X là em ruột của bà N, ông X hưởng đất của ông, bà ngoại để lại; ranh đất hồi trước đến nay cái cống vẫn để ông X sử dụng, nhưng do qua nhiều lần xáng mức, nên hiện trạng thay đổi, thực trạng đất chiều ngang đầu ngoài kênh Nguyễn Văn T là 25m, khi xáng mức lấp cống, thì ông X lấn qua bên bà N chiều ngang 3.8m chạy xéo đến đoạn chướng 200m, độ khoảng 200m tổng diện tích 760m², đục đầu bờ thẳng ra chướng 500 để cắm cọc ranh cho thẳng. Hiện nay, phần đất của bà N, thì bà chưa được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do tranh chấp kéo dài. Nay, bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn X trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang 3.8m, chạy đến đoạn chướng 200m, độ khoảng 200m, tổng diện tích 760m², đục đầu bờ, thẳng ra chướng 500 để cắm cọc ranh cho thẳng.

Bị đơn ông Dương Văn X trình bày:

Nguồn gốc đất là do cha, mẹ để lại từ hồi ông chưa biết đến nay. Đến năm 1959, cha, mẹ ông và các anh của ông đào kênh từ sông Nguyễn Văn T tới chướng 200. Đến năm 1971, đất của bà Trần Thị M bị bà N lấy trừ nợ, cách mạng quản lý; năm 1972 bà N lấy trừ nợ, sau khi hòa bình, bà M tranh chấp đất với bà N, trong quá trình tranh chấp bà M chết, bà N dựng lên tờ giấy là đất bà N chiều ngang 25m lấn tay không có chính quyền địa phương xác nhận. Phần đất cha, mẹ ông để lại ai cũng điều biết, đất của ông giáp kênh Nguyễn Văn T chiều ngang 28.8m, giáp kênh đầu 1.500 là 27,3m; khúc giữa chướng 500 là 25m, khúc trong kênh xáng là 25.9m. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu ông trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang 3.8m, chạy xéo đến đoạn chướng 200m độ khoảng 200m, tổng diện tích 760m² ông không đồng ý.

Theo hồ sơ án sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị G trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Gấu có yêu cầu độc lập tranh chấp ranh đất đối với ông Dương Văn X, sau đó bà G đã có đơn rút yêu cầu độc lập đối với ông X, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Ông thống nhất theo yêu cầu và theo lời trình bày của ông B, ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Anh Dương Văn M1 trình bày: Ông thống nhất theo yêu cầu và lời trình bày của ông X, anh không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo hồ sơ án sơ thẩm Ủy ban nhân dân huyện Tháp M trình bày: Ủy ban nhân dân Huyện, không có ý kiến và xin được vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân các cấp. Ủy ban nhân dân Huyện, sẽ thực hiện kết quả giải quyết vụ kiện của Tòa án nhân dân, khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo hồ sơ án sơ thẩm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tháp M: Không có ý kiến và xin được vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân các cấp.

Bản án sơ thẩm số 81/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 và Quyết định số 09/2018/QĐ-SCBSBA ngày 28/12/2018 về việc sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tháp M tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N (do bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện).
- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Võ Thị G (do bà G rút yêu cầu độc lập).

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ bà Dương Thị N với đất của hộ ông Dương Văn X (theo hiện trạng sử dụng đất), đất tọa lạc tại ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; được xác định là đoạn thẳng từ mốc R8 – R7- R6 – M9 và R5; theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/9/2016 và 16/5/2017, sơ đồ hiện trạng ngày 06/9/2017 và Phụ lục Trích đo ngày 19/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tháp M.

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - + Ông Dương Văn X được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (người cao tuổi).
 - + Bà Dương Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Dương Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.015.000 đồng, theo biên lai thu số 039216, ngày 25/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M.

+ Bà Võ Thị G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Võ Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000 đồng, theo biên lai thu số 09969, ngày 09/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Dương Văn X phải chịu là 7.838.000 đồng; bà Võ Thị G phải chịu 5.279.000 đồng (bà G đã nộp tạm ứng và đã chi xong); bà Dương Thị N được nhận lại 7.838.000 đồng tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ (do bà N đã nộp tạm ứng, nên ông X có nghĩa vụ trả lại cho bà N số tiền 7.838.000 đồng).

- Về chi phí định giá tài sản: Ông Dương Văn X phải chịu tiền chi phí định giá là 1.000.000 đồng; nhưng do bà N đã nộp tạm ứng và đã chi xong cho Hội đồng định giá; cho nên ông X phải nộp lại số tiền là 1.000.000 đồng để trả lại cho bà N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2018 bị đơn ông Dương Văn X kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, ông X kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Dương Văn X là bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ vụ án, yêu cầu sửa toàn bộ quyết định của án sơ thẩm, không chấp nhận xác định mốc ranh theo yêu cầu của bà N.

Bà Dương Thị N là nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu phúc thẩm xử y như án sơ thẩm.

Anh Dương Văn M1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông X.

Ông Nguyễn Văn T4 thống nhất với ý kiến trình bày của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà N tranh chấp ranh giới đất giữa các thửa đất số 206, 207, 208 và 209 của bà N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CN.QSDĐ) với đất liền kề các thửa đất số 210, 212 và 214 của hộ ông X đã cấp giấy CN.QSDĐ, trong giấy đất ghi nhầm số thửa là 206, 207 và 208 trùng với số thửa đất bà N; phạm vi tranh chấp được xác định là chiều dài của đường ranh, có chiều rộng đầu ranh 0,60m, đoạn cuối thửa đất ở 1,22m và cuối ranh đất lúa bằng 0m, dài $504,36\text{m} = 541,1\text{m}^2$; phạm vi này là 1 phần mương dẫn nước (có một đoạn từ cuối ranh ra đã bị bồi lắng cạn).

[2]. Về nguồn gốc được xác định: Đất bà N là mua lại của cụ M vào năm 1971 (nguyên một dây đất), không có con mương. Đất ông X là nhận từ cha, mẹ là cụ V, cụ Q cho vào năm 1972 (cũng nguyên một dây đất), có mương dẫn nước tiếp giáp liền kề đất bà N.

[3]. Về diễn biến quá trình sử dụng: Do bà N là con cụ Q, cụ V, là chị của ông X, nên sau khi bà N mua đất của cụ M, thì bà N được cha mẹ cho sử dụng chung con mương nước này để dẫn nước canh tác đất, sau khi cha mẹ cho đất lại ông X, thì ông X vẫn cho bà N sử dụng chung con mương bình thường. Đến năm 2005 do có xảy ra mâu thuẫn giữa 2 gia đình, nên ông X không cho bà N sử dụng con mương dẫn nước, từ đó xảy ra tranh chấp. Việc 2 bên cùng sử dụng chung con mương này trong thời gian nói trên cả 2 bên đương sự đều thừa nhận.

[4]. Hiện nay, diện tích đất theo kết quả thẩm định, đo đạc thì đất bà N thiếu so với sổ mục kê; đất ông X thừa 1.049m^2 so với giấy được cấp.

[5]. Tuy nguồn gốc hình thành con mương là thuộc bên phần đất ông X, nhưng thực tế diện tích ông X đang sử dụng không tính diện tích tranh chấp thì đã thừa hơn nhiều so với đăng ký được công nhận QSDĐ, cho thấy diện tích đất con mương tranh chấp là nằm ngoài giấy đất ông X; đất ông X là được cha mẹ cho và trước khi cho cha mẹ cũng đã cho bà N sử dụng chung con mương rồi và thời gian bà N sử dụng chung tính đến thời điểm năm 2005 (thời điểm ông X ngăn cản) là đã hơn 30 năm, nên được coi là con mương chung, tức là bà N đã xác lập quyền làm chủ quyền sử dụng một phần đất con mương theo thời hiệu quy định của pháp luật.

[6]. Như vậy, ranh đất tranh chấp là con mương chung, nhưng bà N yêu cầu xác định đường ranh theo các mốc R8, R7, R6, M9 và R5 trên sơ đồ hiện trạng là tương đương 1/2 con mương là có căn cứ phù hợp; ông X yêu cầu đường ranh theo các mốc thuộc mép mương phía bên bà N, toàn bộ con mương thuộc về ông X là không phù hợp.

[7]. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sơ thẩm buộc ông X phải chịu là đúng pháp luật, vì yêu cầu của ông X không được chấp nhận, nhưng do ông X là người cao tuổi nên miễn nộp tiền án phí sơ thẩm là đúng.

[8]. Kiểm sát viên đã phát biểu về tố tụng của vụ án được thực hiện đúng pháp luật; về nội dung đã đề cập nhận định các tình tiết của vụ án và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông X, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[9]. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận án sơ thẩm xử quyết định chấp nhận yêu cầu xác định các mốc ranh đất của bà N với ông X là phù hợp pháp luật cần được giữ nguyên; ông X kháng cáo đưa ra nội dung, yêu cầu không phù hợp nên không được chấp nhận.

[10]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông X phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[11]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12]. Tuy nhiên, đây là vụ án về tranh chấp ranh giới, nên việc bà N thay đổi về vị trí mốc ranh so với yêu cầu ban đầu không coi là rút một phần khởi kiện và không cần thiết phải tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, án phúc thẩm cần sửa lại cách tuyên là không tuyên phần này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 175, Điều 236 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 170 Luật đất đai 2013 và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn X; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2018/DS-ST ngày 29/11/2018, của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xác định ranh giới đất của bà Dương Thị N đối với hộ ông Dương Văn X (gồm ông Dương Văn X, Nguyễn Thị M, Dương Thị T, Dương Văn T1, Dương Văn M1, Dương Hoàng Đ, Nguyễn Thị Cẩm H).

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 206, 207 208 và 209 của hộ bà Dương Thị N (gồm những người do bà N xác định tại thời điểm đăng ký) với các thửa đất số 210, 212 và 214 trên hiện trạng (trên giấy CN.QSDĐ ghi là số 206, 207, 208 và 209) của hộ ông Dương Văn X được xác định là theo các mốc số: R8, R7, M9 và R5, nối các đoạn thẳng giữa các mốc này lại với nhau thành đường ranh, theo sơ đồ hiện trạng đo vẽ ngày 06/9/2017 và Phụ lục Trích đo ngày 19/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp M (kèm theo bản án này).

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ mặt đất lên không gian và xuống lòng đất.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập về tranh chấp ranh đất của bà Võ Thị G đối với ông Dương Văn X.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Dương Văn X được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (người cao tuổi).

+ Bà Dương Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Dương Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.015.000 đồng, theo biên lai thu số 039216, ngày 25/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M.

+ Bà Võ Thị G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà Võ Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000 đồng, theo biên lai thu số 09969, ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M.

6. Về án phí phúc thẩm:

Ông Dương Văn X phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ và tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004080, ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M (đã nộp xong).

7. Về chi phí tố tụng:

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Ông Dương Văn X phải chịu là 7.838.000 đồng buộc ông X nộp hoàn trả cho bà Dương Thị N số tiền này; bà Võ Thị G phải chịu 5.279.000 đồng (bà G đã nộp tạm ứng và đã chi xong).

+ Về chi phí định giá tài sản: Ông Dương Văn X phải chịu là 1.000.000 đồng buộc ông X nộp hoàn trả lại cho bà Dương Thị N số tiền này.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp M;
- CCTHADS huyện Tháp M;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương